

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Ban Quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và Phòng, chống thiên tai Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc kiện toàn bộ máy quản lý và điều hành Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1041/TTr-SNNMT ngày 13/8/2025, của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 5014/SNV-TCBC ngày 11/9/2025 về việc đề nghị ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các quy định trước đây trái với Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các phường, xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, THĐT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized 'M' followed by a series of horizontal strokes.

Mai Xuân Liêm

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn, nguồn tài chính và đối tượng đóng góp, tổ chức bộ máy của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa (gọi tắt là Quỹ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý Quỹ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quan hệ với cơ quan quản lý Quỹ.

Điều 3. Tên gọi, địa vị pháp lý của Quỹ

1. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, do UBND tỉnh quản lý.

2. Tên giao dịch quốc tế: Thanh Hoa Province Disaster Prevention Fund (viết tắt là ThanhHoaPDPF).

4. Trụ sở của Quỹ đặt tại tòa nhà hợp khối Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa, số 14 - Hạc Thành, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ:

1. Hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước

chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính.
3. Thực hiện chế độ báo cáo, kế toán theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan.
4. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
5. Công bố công khai về quy chế hoạt động, kết quả hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai, báo cáo tình hình thực hiện quỹ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐÓNG GÓP

Điều 5. Nguồn tài chính

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tính một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

2. Đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức, doanh nghiệp cho Quỹ phòng, chống thiên tai được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đóng góp hàng năm như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở tỉnh, ở xã và lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

b) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng

với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất.

c) Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm a, điểm b khoản này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

4. Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

5. Điều tiết từ Quỹ trung ương và các Quỹ cấp tỉnh khác.

6. Thu lãi từ tài khoản tiền gửi.

7. Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

8. Tồn dư Quỹ cấp tỉnh cuối năm trước được chuyển sang năm sau.

Điều 6. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ; khoản 8 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ và khoản 6 Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Đối tượng được miễn đóng góp:

a) Đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020.

b) Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; đối tượng được trợ giúp xã hội khẩn cấp theo quy định của pháp luật về chế độ trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định này từ đủ 60 tuổi trở lên.

c) Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí.

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung, dài hạn tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề.

đ) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo; người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật dân sự.

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên.

g) Phụ nữ đang mang thai; phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

h) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo; thành viên hộ gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; thành viên hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, quyết định của Ủy ban Dân tộc và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

i) Hợp tác xã không có nguồn thu.

k) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị khi phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn (0,02%) tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày liên tục trở lên có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp:

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh. Mức giảm đóng góp quỹ tương ứng mức giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan Thuế công bố hàng năm.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ và khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ, cụ thể:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp danh sách các đối tượng được quy định tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ. Thời gian tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh từ 06 tháng đến 01 năm.

2. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định miễn đóng góp quỹ đối với đối tượng còn lại quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

3. Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ cấp tỉnh. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, dịch bệnh; tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề xuất chính quyền địa phương để tổng hợp gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn, giảm, tạm hoãn. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ cấp tỉnh, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH QUỸ

Điều 8. Cơ quan quản lý Quỹ

1. Ban Quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và Phòng, chống thiên tai Thanh Hóa là cơ quan quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh là người đại diện theo pháp luật của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh.

2. Giám đốc, các Phó Giám đốc cơ quan quản lý Quỹ kiêm nhiệm Giám đốc, các Phó Giám đốc Quỹ. Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm Giám đốc, các Phó Giám đốc Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Kế toán trưởng, công chức, viên chức của cơ quan quản lý Quỹ kiêm nhiệm công tác quản lý Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý Quỹ

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh và một số nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận nguồn đóng góp bắt buộc, nguồn hỗ trợ, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn điều tiết từ Quỹ Trung ương và từ các Quỹ cấp tỉnh; nguồn thu lãi từ tài khoản tiền gửi và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Phối hợp với Văn phòng Chỉ huy phòng, chống thiên tai tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai do UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và thực hiện trình tự, thủ tục tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định hỗ trợ.

3. Thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

4. Thực hiện giải ngân cho các đơn vị, địa phương được hỗ trợ; tham mưu, trình cấp có thẩm quyền điều tiết cho Quỹ Trung ương hoặc điều chuyển cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác.

5. Báo cáo kết quả thu, chi quỹ với cơ quan quản lý Quỹ Trung ương trước ngày 25 hằng tháng. Hằng năm, báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ đề tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, báo cáo HĐND tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ.

6. Hằng năm, tổng hợp, xây dựng Kế hoạch thu, nộp Quỹ, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; tham mưu đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp quỹ cấp tỉnh theo quy định; đề nghị cơ quan có thẩm quyền tổ chức thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước.

7. Cung cấp kịp thời các thông tin về quỹ cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Hội có liên quan đến Quỹ cấp tỉnh để thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

8. Công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng xã; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo địa bàn cấp xã bằng các hình thức: Gửi cơ quan quản lý Quỹ Trung ương; niêm yết tại trụ sở Quỹ cấp tỉnh; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp quỹ; công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

9. Thực hiện các nội dung khác theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ, Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và về hoạt động của Quỹ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao và các quy định tại Quy chế này.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Tổ chức, triển khai thực hiện các quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

b) Trình Sở Nông nghiệp và Môi trường kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn và hằng năm; kế hoạch thu, chi hằng năm và tổ chức thực hiện sau khi đã được phê duyệt.

c) Quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ, Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Thực hiện việc điều động, sắp xếp, giao nhiệm vụ cho cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Ban Quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng, môi

trường và Phòng, chống thiên tai Thanh Hóa để thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ.

đ) Quản lý cán bộ, viên chức, người lao động làm nhiệm vụ quản lý Quỹ; thực hiện chính sách, tiền lương, thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động; quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện nhiệm vụ xác nhận về khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện cho Quỹ của các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao.

Điều 11. Phó Giám đốc Quỹ

Phó Giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ quản lý, điều hành một số nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước pháp luật Giám đốc Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về nhiệm vụ được phân công.

Điều 12. Kế toán trưởng

1. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính của Quỹ.
2. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán Quỹ theo quy định của Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật.
3. Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.

Điều 13. Cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ

Cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt; được hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ chính sách khác theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các quy trình nghiệp vụ về quản lý Quỹ trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ các quy định, nội dung của Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày

09/5/2023 của UBND tỉnh; các văn bản hướng dẫn, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền và Quy chế này.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát hiện những vấn đề bất cập, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về cơ quan quản lý Quỹ (Ban Quản lý bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và Phòng, chống thiên tai Thanh Hoá) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định./.